

# Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán Việt Nam

TRẦN QUỐC THỊNH\*

**Trong những năm qua, hệ thống kế toán Việt Nam luôn được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế, song vẫn còn những tồn tại, bất cập nhất định, như: chưa có sự nhất quán từ Luật Kế toán đến Chuẩn mực kế toán (CMKT), chế độ kế toán, cũng như các quy định kế toán liên quan.**

## BỘC LỘ NHIỀU HẠN CHẾ

Hệ thống pháp luật về kế toán Việt Nam bao gồm Luật Kế toán năm 2003, các CMKT, chế độ kế toán và các quy định kế toán liên quan. Thời gian qua, hệ thống pháp luật về kế toán ở Việt Nam đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng thông tin kế toán. Tuy vậy, trong quá trình vận hành, cùng với những thay đổi mạnh mẽ của nền kinh tế, chính sách của Nhà nước và yêu cầu hội nhập, mở cửa theo kinh tế thị trường... hệ thống kế toán Việt Nam bộc lộ nhiều hạn chế. Cụ thể:

*Luật Kế toán năm 2003* đã tạo nền tảng vững chắc trong công tác kế toán, để từ đó xây dựng CMKT, các chế độ kế toán. Tuy nhiên, trải qua hơn 10 năm vận hành, Luật Kế toán đã bộc lộ những hạn chế nhất định, không còn phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển. Luật Kế toán năm 2003 hiện hành là quy định hạch toán theo giá gốc, điều này không phản ánh được tình hình biến động tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Theo CMKT quốc tế và thông lệ phổ biến trên toàn thế giới, việc hạch toán được thực hiện theo giá trị hợp lý (giá thị trường tại thời điểm đánh giá). Trong Điều 10, Luật Kế toán năm 2003 đưa ra những công việc về kế toán tổng hợp và chi tiết mà kế toán tài chính và kế toán quản trị phải thực hiện, nhưng quy định còn khá chung chung, chưa cụ thể, chưa quy định rõ vai trò và nội dung của kế toán tài chính và kế toán quản trị đó là “Kế toán tổng hợp phải thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị. Kế toán tổng hợp sử dụng đơn vị tiền tệ để phản ánh tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản, tình hình và kết quả hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán; Kế toán chi tiết phải thu thập, xử lý, ghi chép và cung cấp thông tin chi tiết bằng đơn vị tiền tệ, hiện vật và thời gian lao động theo từng đối tượng kế toán cụ thể trong đơn vị kế toán. Kế toán chi tiết minh họa cho kế toán tổng hợp. Số liệu kế toán chi tiết phải khớp đúng với số liệu kế toán tổng hợp trong một kỳ kế toán”.

Ở Điều 13 của Luật là kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm dương lịch. Điều này không phù hợp với thực tế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt các công ty niêm yết có kỳ kế toán khác so với quy định của Luật (ví dụ, Tập đoàn cổ phần Hoa Sen ngày bắt đầu 1/10 và kết thúc 30/9 năm sau).

Về CMKT, hệ thống CMKT Việt Nam ban hành lần đầu tiên năm 2001, đến nay, Việt Nam đã ban hành được 26 CMKT. Do thời điểm ban hành CMKT đầu tiên từ năm 2001, nhằm tránh biến động kinh tế, cũng như để phù hợp với đặc điểm riêng, nên khi xây dựng CMKT, Việt Nam đã điều chỉnh một số nguyên tắc, phương pháp và những nội dung CMKT không tương thích hoặc chưa cần thiết trong giai đoạn hiện tại. Chính điều này đã tạo sự khác biệt về nội dung giữa CMKT Việt Nam so với CMKT quốc tế.

Bên cạnh đó, hệ thống CMKT từ khi ban hành lần đầu năm 2001 đến nay, mặc dù đã có những góp ý sửa đổi, bổ sung, nhưng một thời gian dài hơn 12 năm vẫn chưa được cập nhật bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tế (năm 2013, Bộ Tài chính mới có dự thảo ban hành và công bố 8 CMKT Việt Nam, dự kiến có hiệu lực từ 1/1/2015). Thậm chí, một số CMKT quốc tế đã được ban hành, nhưng Việt Nam vẫn chưa xúc tiến nghiên cứu, soạn thảo để ban hành, như: Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu (IFRS 2), Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và ngừng hoạt động (IFRS 5), Tổn thất tài sản (IAS 36)... Điều này dẫn đến thiếu tính thống nhất, cũng như tính đồng bộ trong hệ

\* TS., Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh | Email: thinhqt@buh.edu.vn

thống CMKT Việt Nam so với quốc tế. Sự chậm trễ này đã ảnh hưởng đến chất lượng thông tin, làm cản trở quá trình phát triển của hệ thống CMKT Việt Nam so với sự phát triển nhanh chóng của quốc tế và các nước trong khu vực.

Ngoài ra, hệ thống CMKT hiện nay được ban hành áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế, không phân biệt niêm yết và không niêm yết, quy mô lớn hay quy mô nhỏ và vừa. Điều này cũng chưa thực sự hợp lý bởi với các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp niêm yết luôn cần nhiều nghiệp vụ phức tạp đi cùng, như: thanh toán trên cơ sở cổ phiếu, bộ phận kinh doanh, tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động không liên tục... thì hệ thống CMKT hiện tại của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu, trong khi phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa không niêm yết thì hệ thống CMKT trở lại khá phức tạp.

*Các chế độ kế toán*, hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại song song hai chế độ kế toán doanh nghiệp là: chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, ngày 20/3/2006 và chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9/2006. Việc quy định hai chế độ kế toán đã tạo ra sự chồng chéo khi áp dụng do tiêu chuẩn xác định quy mô doanh nghiệp không rõ ràng cũng như không có sự ràng buộc doanh nghiệp khi lựa chọn chế độ kế toán được áp dụng. Chẳng hạn như, nếu phân loại theo quy mô, Quyết định 48 áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong khi Quyết định 15 quy định áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp. Vậy, vấn đề đặt ra là nếu công ty quy mô nhỏ, nhưng được niêm yết thì áp dụng theo quyết định nào. Hơn nữa, Quyết định 48 đã cắt bỏ một số quy định và nội dung trong các CMKT, điển hình một số CMKT áp dụng không đầy đủ như chuẩn mực hàng tồn kho (VAS 2), chuẩn mực tài sản cố định hữu hình (VAS 3), chuẩn mực tài sản cố định vô hình (VAS 4), chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính (VAS 21)... Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất trong



việc triển khai áp dụng CMKT vào thực tiễn và làm giảm chất lượng thông tin kế toán.

Về các luật và quy định kế toán liên quan, việc bổ sung các luật và quy định liên quan nhằm hỗ trợ để quản lý và kiểm soát đối với các hoạt động kinh tế chung góp phần hoàn thiện hàng lang pháp lý. Tuy nhiên, do thực thi bởi luật và quy định có liên quan nên chế độ kế toán nói chung và CMKT nói riêng đã bị chi phối đáng kể trong việc triển khai các chính sách kế toán. Điều này có thể thấy ở Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, ngày 19/6/2013 của Quốc hội (Điều 9) có quy định về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, nhưng nội dung này chưa được đề cập trong CMKT thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam ban hành theo Quyết định 12/2005/QĐ-BTC và Thông tư 20/2006/TT-BTC hướng dẫn kế toán thực hiện 6 CMKT theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC. Điều này dẫn đến sự bất nhất trong việc thực thi chính sách thuế và kế toán.

## ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Đối với Luật Kế toán, Luật cần quy định rõ nội dung và vai trò của kế toán tài chính và kế toán quản trị. Mặc dù kế toán quản trị không mang tính bắt buộc nhưng cần quy định để nhằm nâng cao công tác quản lý kiểm soát hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Đồng thời, bổ sung và xác định rõ vai trò và chức năng của tổ chức quản lý công tác kế toán. Ngày nay, tổ chức quản lý kế toán cần quy định rõ để đảm bảo tính lập quy trong việc ban hành CMKT, cũng như chế độ kế toán và các hướng dẫn liên quan đến công tác kế toán.



Đồng thời, Luật không cần thiết quy định kỳ kế toán năm từ 01/01 và kết thúc 31/12 hàng năm, mà cần linh hoạt trong việc xác định kỳ kế toán năm đối với các doanh nghiệp.

Về CMKT, cần được ban hành trên cơ sở chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế kết hợp với đặc điểm kinh tế Việt Nam. Theo đó, hệ thống chuẩn mực Việt Nam nên được chia thành 2, gồm: các doanh nghiệp có quy mô lớn, niêm yết và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không niêm yết. Điều này sẽ phù hợp với thông lệ quốc tế, cũng như các quốc gia trong tiến trình hội tụ kế toán.

Việt Nam cần khẩn trương soạn thảo và ban hành một số chuẩn mực, như: chuẩn mực tổn thất tài sản (IAS 36), thanh toán trên cơ sở cổ phiếu (IFRS 2), tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động không liên tục (IFRS 5), giá trị hợp lý (IFRS 13)... Điều này không những nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quy định và nội dung, mà còn đảm bảo tính nhất quán về các phương pháp cũng như nguyên tắc kế toán. Không những vậy, kế toán Việt Nam sẽ từng bước phù hợp với các quy định chung của quốc tế.

Về chế độ kế toán, cần đảm bảo tính thống nhất trên

cơ sở Luật Kế toán, CMKT và thông tư hướng dẫn CMKT. Đây là vấn đề mang tính cốt yếu và quyết định bởi tất cả các quy định đảm bảo tính nhất quán sẽ tạo nên hệ thống đồng bộ, tạo dựng hành lang pháp lý vững chắc. Đồng thời, chế độ kế toán không nên cắt bỏ mang tính “cơ học” một số CMKT như Quyết định 48. Theo đó, các CMKT cần được áp dụng đầy đủ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng trong nội dung các CMKT cần được giảm lược các lựa chọn hay chính sách kế toán để phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối với các luật và quy định kế toán liên quan, Việt Nam cần lưu ý khi ban hành các luật và quy định liên quan đến các nghiệp vụ kế toán cần tránh các nội dung mâu thuẫn nhau. Trước hết là cần đồng bộ về khái niệm, đây chính là vấn đề quan trọng, bởi nếu xung đột về quan điểm sẽ dẫn đến chông chéo về nội dung. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2003). *Luật Kế toán, số 03/2003/QH11, ngày 17/6/2013*
2. Bộ Tài chính (2005). *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Nxb Tài chính, Hà Nội
3. Bộ Tài chính (2006). *Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, ngày 20/3/2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*
4. Bộ Tài chính (2006). *Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9/2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*
5. Bộ Tài chính (2012). *Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp*